

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

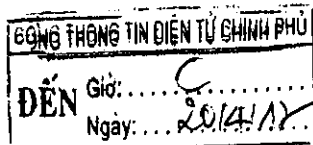
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15 /2017/QĐ-UBND

An Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2017

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định một số chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên,  
vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao trong nước  
trên địa bàn tỉnh An Giang**



### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Liên Bộ Tài chính – Lao động, Thương binh, Xã hội và Văn hóa, Thể thao, Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 313 /TTr-STC ngày 04 tháng 4 năm 2017.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định một số chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thể thao trong nước trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

1. Tiền thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thi đấu vô địch quốc gia hoặc Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc:

- a) Huy chương vàng: 8.000.000 đồng.
- b) Huy chương bạc: 4.000.000 đồng.
- c) Huy chương đồng: 2.000.000 đồng.

d) Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên phá kỷ lục quốc gia thì được thưởng thêm số tiền 5.000.000 đồng.

2. Tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia:

a) Giải thể thao vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi:

- Huy chương vàng: 2.500.000 đồng.

- Huy chương bạc: 1.500.000 đồng.

- Huy chương đồng: 1.000.000 đồng.

- Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên phá kỷ lục quốc gia thì được thưởng thêm số tiền 2.000.000 đồng.

b) Giải thể thao vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi:

- Huy chương vàng: 2.000.000 đồng.

- Huy chương bạc: 1.200.000 đồng.

- Huy chương đồng: 800.000 đồng.

- Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên phá kỷ lục quốc gia thì được thưởng thêm số tiền 2.000.000 đồng.

c) Giải thể thao vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi:

- Huy chương vàng: 1.500.000 đồng.

- Huy chương bạc: 900.000 đồng.

- Huy chương đồng: 600.000 đồng.

- Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên phá kỷ lục quốc gia thì được thưởng thêm số tiền 1.500.000 đồng.

d) Giải thể thao vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên dưới 12 tuổi:

- Huy chương vàng: 1.000.000 đồng.

- Huy chương bạc: 600.000 đồng.

- Huy chương đồng: 400.000 đồng.

- Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên phá kỷ lục quốc gia thì được thưởng thêm số tiền 1.000.000 đồng.

3. Đối với những môn thể thao thi đấu tập thể, mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Đối với những môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên theo điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc, các giải thể thao quốc gia dành cho người khuyết tật được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu vô địch cấp khu vực:

a) Các môn cá nhân:

- Hạng nhất: 800.000 đồng.
- Hạng nhì: 600.000 đồng.
- Hạng ba: 400.000 đồng.

b) Các môn thi đấu đôi (cầu lông, bóng Bàn, quần vợt, đá cầu,...):

- Hạng nhất: 1.200.000 đồng.
- Hạng nhì: 1.000.000 đồng.
- Hạng ba: 800.000 đồng.

c) Các môn thi đấu đồng đội (xe đạp, điền kinh, bơi lội, cầu lông,...):

- Hạng nhất: 2.000.000 đồng.
- Hạng nhì: 1.600.000 đồng.
- Hạng ba: 1.200.000 đồng.

d) Các môn thi đấu tập thể (bóng chuyền, bóng rổ, bóng đá 5 đến 7 người,...):

- Hạng nhất: 8.000.000 đồng.
- Hạng nhì: 6.000.000 đồng.
- Hạng ba: 4.000.000 đồng.

đ) Môn bóng đá 11 người:

- Hạng nhất: 20.000.000 đồng.
- Hạng nhì: 14.000.000 đồng.
- Hạng ba: 10.000.000 đồng.

e) Môn đua thuyền 10 dầm, kéo co:

- Hạng nhất: 3.000.000 đồng.
- Hạng nhì: 2.400.000 đồng.
- Hạng ba: 1.000.000 đồng.

g) Môn đua thuyền 20 dầm:

- Hạng nhất: 5.000.000 đồng.
- Hạng nhì: 4.000.000 đồng.
- Hạng ba: 3.000.000 đồng.

7. Tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu vô địch cấp tỉnh được hưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng tại các giải thi đấu vô địch cấp khu vực.

8. Tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu vô địch cấp huyện được hưởng bằng 75% mức thưởng tương ứng tại các giải thi đấu vô địch cấp tỉnh.

9. Tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu vô địch cấp xã được hưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng tại các giải thi đấu vô địch cấp tỉnh.

10. Số lượng huấn luyện viên đối với môn thi đấu tập thể, môn thi đấu đồng đội được quy định như sau:

a) Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

b) Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

c) Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

## **Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán ngân sách chi sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác để thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2017.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /t/

### **Nơi nhận:**

- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website An Giang, Trung tâm CB-TH;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH, KTTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình